

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 04/2021/NĐ-CP NGÀY 22/01/2021 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 127/2021/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p><i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung các căn cứ tại dự thảo Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như sau:</p> <p><i>“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 25 tháng 6 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Thanh tra ngày 25 tháng 6 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;</i></p>	<p>Cập nhật theo các Luật mới ban hành; bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp do thay đổi chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp chuyển từ Bộ LĐTBXH sang Bộ GD&ĐT theo Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 và Nghị định số 37/2025/NĐ-CP.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
	<p><i>Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.”</i></p>	
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG		
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.</p>	Giữ nguyên	
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này, bao gồm: a) Cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục thường xuyên; trường trung cấp và trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên; cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm và viện do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ được phép đào tạo trình</p>	<p>Bỏ các cụm từ: “trường trung cấp”, “trung cấp” trong toàn bộ văn bản</p>	<p>Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ giáo viên trong hệ thống giáo dục quốc dân không còn trình độ trung cấp. Các văn bản Bộ GDĐT mới ban hành, như quy chế về xác định chỉ tiêu và tuyển</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>độ tiến sĩ (sau đây viết tắt là viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ);</p> <p>b) Trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác; văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; cơ sở giáo dục thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và tổ chức là pháp nhân không phải cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành giáo viên; đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;</p> <p>c) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và tổ chức thực hiện dịch vụ gắn với hoạt động giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục);</p> <p>d) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện liên kết đào tạo trình độ đại học.</p> <p>2. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức khác có liên quan.</p>		<p>sinh hiện nay của Bộ GDĐT, chỉ còn đối tượng áp dụng là Trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.</p>
<p>Điều 3. Hình thức xử phạt và mức tiền phạt trong lĩnh vực giáo dục</p> <p>1. Hình thức xử phạt chính:</p> <p>a) Cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền.</p> <p>2. Hình thức xử phạt bổ sung:</p> <p>a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>b) Trục xuất;</p> <p>c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.</p> <p>3. Mức tiền phạt trong lĩnh vực giáo dục:</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>a) Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giáo dục đối với cá nhân là 75.000.000 đồng, đối với tổ chức là 150.000.000 đồng;</p> <p>b) Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, trừ quy định tại khoản 5 Điều 9, khoản 2 Điều 11, khoản 1 và các điểm a, b, c, d, e khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 29 của Nghị định này là mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Cùng một hành vi vi phạm hành chính, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng một phần hai mức phạt tiền đối với tổ chức.</p> <p>4. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần. Nhiều tổ chức hoặc cá nhân cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi tổ chức hoặc cá nhân vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó.</p>		
<p>Điều 3a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính</p> <p>1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục là 01 năm.</p> <p>2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:</p> <p>a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;</p> <p>b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;</p> <p>c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân do người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính chuyển đến thì thời hiệu xử phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này và điểm a, b khoản này tính đến thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</p> <p>3. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện để tính thời hiệu</p>	<p>Bỏ cụm từ “quy định tại khoản 4 Điều này” tại điểm b khoản 2 Điều 3a</p>	<p>Chỉnh sửa kỹ thuật</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p>		
<p>Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Buộc hủy bỏ văn bản đã ban hành không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật. 2. Buộc hủy bỏ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học. 3. Buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả của người học. 4. Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh. 5. Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được. 6. Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học. 7. Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại. 8. Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển sinh vượt chỉ tiêu. 9. Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ. 10. Buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ. 	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau: “5. Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu không chuyển được”.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau: “8. Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm tiếp theo tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm tối thiểu bằng số lượng đã tuyển sinh vượt.”</p>	<p>Trong nhiều trường hợp không có cơ sở giáo dục đủ điều kiện tiếp nhận người học hoặc có cơ sở giáo dục đủ điều kiện nhưng không đồng ý tiếp nhận hoặc người học không đủ điều kiện. Do đó, việc mở rộng việc “Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác” là để bảo đảm tối đa quyền lợi cho người học.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>11. Buộc hủy bỏ bản sao văn bằng, chứng chỉ.</p> <p>12. Buộc hủy bỏ kết quả công nhận đánh giá hoặc kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.</p> <p>13. Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy tờ, văn bản đã cấp.</p> <p>14. Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động giáo dục.</p> <p>15. Buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập hoặc bố trí dạy đủ số tiết, khối lượng học tập.</p> <p>16. Buộc tổ chức bảo vệ luận văn, luận án hoặc tổ chức bảo vệ lại luận văn, luận án theo quy định.</p> <p>17. Buộc đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học.</p> <p>18. Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật và khôi phục quyền học tập của người học.</p> <p>19. Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã chi sai.</p> <p>20. Buộc thực hiện công khai theo quy định.</p> <p>21. Buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể hoặc người đại diện hợp pháp của người học là người chưa thành niên có yêu cầu không xin lỗi công khai.</p> <p>22. Buộc trả lại các khoản chi không đúng quy định từ nguồn vận động tài trợ.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau: “16. Buộc tổ chức bảo vệ luận văn, học phần tốt nghiệp luận án, khóa luận, đồ án hoặc tổ chức đánh giá lại luận văn, luận án, khóa luận, đồ án theo quy định”.</p>	<p>Nhằm phân loại trách nhiệm thuộc cá nhân hay của cơ sở đào tạo; đồng thời để bảo đảm tính khả thi của quy định.</p>
<p>Chương II</p> <p>HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ</p> <p>Mục 1</p> <p>CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP, SÁP NHẬP, CHIA TÁCH, GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC HOẶC TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁO DỤC; CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH CƠ SỞ GIÁO DỤC</p>		
<p>Điều 5. Vi phạm quy định về thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục hoặc tổ</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>chức thực hiện dịch vụ giáo dục; chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục</p> <p>1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung một trong các loại văn bản sau:</p> <p>a) Quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập; quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục;</p> <p>b) Quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập; quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.</p> <p>2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thành lập hoặc cho phép thành lập; giải thể tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.</p> <p>3. Phạt tiền đối với hành vi thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể; chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập;</p> <p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ;</p> <p>c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;</p> <p>d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường trung cấp có đào tạo nhóm ngành giáo viên;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;</p> <p>e) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>4. Hình thức xử phạt bổ sung:</p>	<p>Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 5</p>	<p>Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ giáo viên trong hệ thống giáo dục quốc dân không còn trình độ trung cấp. Các văn bản Bộ GDĐT mới ban hành, như quy chế về xác định chỉ tiêu và tuyển sinh hiện nay của Bộ GDĐT, chỉ còn đối tượng áp dụng là Trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>a) Tịch thu tang vật là quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục; quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau: “5. Biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc chuyển sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này”.</p>	<p>Nhằm bảo đảm tối đa quyền lợi cho người học.</p>
<p>Điều 6. Vi phạm quy định về cho phép hoạt động giáo dục, đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đăng ký hoặc công nhận thực hiện dịch vụ giáo dục</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi không đảm bảo một trong các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục, đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đăng ký, cho phép hoạt động hoặc công nhận hoạt động tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục;</p> <p>c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;</p> <p>d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p>2. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục hoặc thực hiện dịch vụ giáo dục ngoài địa điểm được phép, đăng ký hoặc công nhận theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;</p> <p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục;</p> <p>c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;</p> <p>d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ .</p> <p>3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong quyết định cho phép hoạt động giáo dục hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định cho phép hoạt động, quyết định công nhận hoạt động đối với tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục.</p> <p>4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi gian lận để được cho phép hoạt động giáo dục; đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đăng ký hoặc công nhận tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục.</p>	<p>Bỏ cụm từ “trường trung cấp” tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 6</p>	<p>Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ giáo viên trong hệ thống giáo dục quốc dân không còn trình độ trung cấp. Các văn bản Bộ GDĐT mới ban hành, như quy chế về xác định chỉ tiêu và tuyển sinh hiện nay của Bộ GDĐT, chỉ còn đối tượng áp dụng là Trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>5. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục hoặc thực hiện dịch vụ giáo dục khi chưa được cho phép hoạt động, chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc chưa được công nhận hoạt động theo các mức phạt sau;</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục;</p> <p>c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường trung cấp có đào tạo nhóm ngành giáo viên;</p> <p>d) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p>6. Hình thức xử phạt bổ sung:</p> <p>a) Đình chỉ hoạt động giáo dục hoặc dịch vụ giáo dục từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Tịch thu tang vật là quyết định cho phép hoạt động giáo dục, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký, quyết định cho phép hoạt động hoặc quyết định công nhận hoạt động tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.</p> <p>7. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;</p>	<p>Bãi bỏ điểm c khoản 5 Điều 6</p>	<p>Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ giáo viên trong hệ thống giáo dục quốc dân không còn trình độ trung cấp. Các văn bản Bộ GDĐT mới ban hành, như quy chế về xác định chỉ tiêu và tuyển sinh hiện nay của Bộ GDĐT, chỉ còn đối tượng áp dụng là Trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này;</p> <p>c) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cho phép hoạt động giáo dục, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định công nhận tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:</p> <p>“b) Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc chuyển sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này.”</p>	<p>Nhằm bảo đảm quyền lợi tối đa cho người học</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>Điều 7. Vi phạm quy định về tổ chức quản lý cơ sở giáo dục</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Công khai không đầy đủ các nội dung theo quy định tại quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản pháp luật khác có liên quan;</p> <p>b) Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng chế độ thông tin báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Lập báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất có nội dung không chính xác;</p> <p>d) Sử dụng tên hoặc đặt trụ sở không đúng địa điểm theo quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập;</p> <p>đ) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Ban hành không đầy đủ hoặc thực hiện không đầy đủ văn bản thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Công khai không chính xác các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Không thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>d) Không thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>đ) Không gửi thông báo, quyết định của cơ sở giáo dục đại học đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi ban hành văn bản trái thẩm quyền hoặc văn bản có nội dung trái pháp luật hiện hành.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:</p> <p>“a) Công khai không đầy đủ nội dung, không đúng cách thức và thời gian theo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản pháp luật có liên quan;”</p>	<p>Bổ sung cụm từ “không đúng cách thức và thời gian theo quy định” sau cụm từ “không đầy đủ nội dung” tại điểm a khoản 1 Điều 7 để bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất với Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc thực hiện công khai theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện một trong các hành vi sau: a) Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ sở giáo dục đại học được thành lập, cho phép thành lập hoặc chuyển đổi loại hình trường hoặc từ ngày hội đồng trường hết nhiệm kỳ mà không thành lập hội đồng trường theo quy định; b) Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày hội đồng trường được thành lập mà hội đồng trường không quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng; c) Thực hiện không đúng quy trình thành lập hội đồng trường hoặc quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng.”;</p> <p>Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 như sau: “4a. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ hoạt động tuyển sinh trong 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này; b) Đình chỉ hoạt động đào tạo 12 tháng đối với các trường hợp đã bị đình chỉ hoạt động tuyển sinh theo quy định tại điểm a khoản này nhưng không khắc phục được hành vi vi phạm; c) Giải thể cơ sở giáo dục đại học đối với các trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động đào</p>	<p>Làm rõ các hành vi vi phạm của cơ sở giáo dục trong việc thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm hiệu trưởng của cơ sở giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.</p> <p>Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;</p> <p>c) Buộc hủy bỏ văn bản đã ban hành không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	<p>tạo theo quy định tại điểm b khoản này nhưng không khắc phục được hành vi vi phạm.”</p>	

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
	<p>Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 như sau:</p> <p>“Điều 7a. Vi phạm quy định về Chuẩn cơ sở giáo dục đại học</p> <p>1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học có một hoặc nhiều tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học không đạt yêu cầu theo kết quả được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hằng năm.</p> <p>2. Hình thức xử phạt bổ sung:</p> <p>Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với cơ sở giáo dục đại học có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hai năm liên tiếp vẫn không khắc phục được, dẫn đến không đạt ít nhất một tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>Buộc cơ sở giáo dục đại học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khắc phục, bảo đảm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học trong thời hạn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.”</p>	<p>Bổ sung chế tài đối với trường hợp vi phạm quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 20/01/2024 quy định về Chuẩn cơ sở giáo dục đại học</p>
<p>Mục 2</p> <p>CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH</p>		
<p>Điều 8. Vi phạm quy định về tổ chức tuyển sinh</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Thông báo tuyển sinh, công bố đề án tuyển sinh không đúng hoặc không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Thông báo tuyển sinh, công bố Thông tin tuyển sinh không đúng hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành.”</p>	<p>Để phù hợp với thực tiễn pháp luật hiện hành.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>b) Thông báo tuyển sinh không đủ thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Công bố chỉ tiêu tuyển sinh vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh;</p> <p>b) Không thực hiện đúng quy trình tuyển sinh theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Không công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành đào tạo có quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào;</p> <p>b) Thực hiện tuyển sinh không đúng đề án tuyển sinh đã công bố.</p> <p>4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức tuyển sinh đối với ngành, chuyên ngành hoặc chương trình giáo dục của nước ngoài khi chưa được phép thực hiện.</p> <p>5. Hình thức xử phạt bổ sung: Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau: “b) Thực hiện tuyển sinh không đúng phương thức tuyển sinh theo Thông tin tuyển sinh đã công bố; không bảo đảm ngưỡng đầu vào đối với các ngành đào tạo có ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành.”</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với ngành tuyển sinh vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này; b) Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này”;</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau: “6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định</p>	<p>Nhằm khắc phục thực tế Thanh tra trước đây xử phạt cơ sở đào tạo tuyển sinh vượt số lượng so với chỉ tiêu đề án công bố; làm rõ hơn hành vi vi phạm, phù hợp với quy định tại Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.</p> <p>Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm; bảo đảm quyền lợi tối đa cho người học.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
không chuyển được đổi với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.	hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đổi với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, và 4 Điều này”.	Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm; bảo đảm quyền lợi tối đa cho người học
<p>Điều 9. Vi phạm quy định về đối tượng tuyển sinh</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng quy định tại quy chế tuyển sinh ở cấp trung học phổ thông theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;</p> <p>b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học đến dưới 30 người học;</p> <p>c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.</p> <p>2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng nhóm ngành giáo viên sai đối tượng theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;</p> <p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học đến dưới 30 người học;</p> <p>c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.</p> <p>3. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ đại học sai đối tượng quy định tại quy chế tuyển sinh theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;</p> <p>b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học đến dưới 30 người học;</p> <p>c) Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>4. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ sai đối tượng quy định tại quy chế tuyển sinh theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 05 người học;</p> <p>b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 05 người học đến dưới 10 người học;</p> <p>c) Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học trở lên.</p> <p>5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai man, sửa chữa giấy tờ trong hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>6. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này.</p> <p>7. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển; buộc trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nếu hành vi vi phạm có lỗi của cả đối tượng thực hiện hành vi vi phạm và người học;</p> <p>b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nếu người học không có lỗi;</p>	<p>“Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:</p> <p>“6. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày có kết luận vi phạm của cơ quan có thẩm quyền đối với các ngành tuyển sinh vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này”;</p> <p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:</p> <p>“b) Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc</p>	<p>Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm</p> <p>Nhằm bảo đảm quyền lợi tối đa cho người học</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
c) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định trúng tuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.	hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đổi với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nếu người học không có lỗi”.	
<p>Điều 10. Vi phạm quy định về chỉ tiêu tuyển sinh</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh vượt chỉ tiêu ở cấp trung học phổ thông theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 03% đến dưới 10%;</p> <p>b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;</p> <p>c) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;</p> <p>d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.</p> <p>2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành giáo viên vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 03% đến dưới 10%;</p> <p>b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;</p> <p>c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;</p> <p>d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.</p> <p>3. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ đại học vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các mức phạt sau:</p>	<p>Bỏ cụm từ “trung cấp” tại tên khoản 2 Điều 10</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh trình độ đại học vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh với các mức phạt sau:</p>	<p>Để đảm bảo phù hợp thực tiễn hiện nay; Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ giáo viên trong hệ thống giáo dục quốc dân không còn trình độ trung cấp.</p> <p>Việc kết hợp tỷ lệ % với số lượng cụ thể nhằm làm rõ hơn hành vi vi phạm cần xử phạt.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 03% đến dưới 10%;</p> <p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;</p> <p>c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;</p> <p>d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.</p> <p>4. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 03% đến dưới 10%;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;</p> <p>c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;</p> <p>d) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.</p>	<p>a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 10 người học đến 30 người học;</p> <p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 31 người học đến 60 người học;</p> <p>c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 61 người học đến 100 người học;</p> <p>d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 101 người học trở lên.”</p> <p>- Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau: “4a. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 18 tháng đối với hành vi tuyển vượt chỉ tiêu trên 20% của 2 năm liên tiếp”;</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:</p>	<p>Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển sinh vượt chỉ tiêu đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.	“5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giảm chỉ tiêu tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng chỉ tiêu đã tuyển sinh vượt theo quy định về xác định chỉ tiêu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này sau khi đã xác định chỉ tiêu theo quy định và phải thực hiện các giải pháp tăng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo”.	Bảo đảm tối đa quyền lợi của người học; nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm
Mục 3 CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH, ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG, LIÊN KẾT		
<p>Điều 11. Vi phạm quy định về thời lượng, nội dung, chương trình giáo dục</p> <p>1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lập đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định hoặc không sử dụng thiết bị dạy học đã được trang bị theo quy định.</p> <p>2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không dạy đủ số tiết hoặc khối lượng học tập trong chương trình giáo dục của một học phần hoặc môn học theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 05 tiết;</p> <p>b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm từ 05 tiết đến dưới 10 tiết;</p> <p>c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm từ 10 tiết đến dưới 15 tiết;</p> <p>d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với vi phạm từ 15 tiết trở lên.</p>	<p>Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 như sau:</p> <p>“1a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng kế hoạch hoặc không thực hiện kế hoạch hoặc tổ chức giảng dạy không đúng kế hoạch”;</p>	<p>Nhằm xác định rõ hơn hành vi vi phạm cần xử phạt</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không bố trí dạy đủ số tiết hoặc khối lượng học tập trong chương trình giáo dục theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 05 tiết;</p> <p>b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm từ 05 tiết đến dưới 10 tiết;</p> <p>c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm từ 10 tiết đến dưới 15 tiết;</p> <p>d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm từ 15 tiết trở lên.</p> <p>4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức bảo vệ luận án hoặc luận văn, đồ án, khóa luận đã quy định trong chương trình giáo dục.</p> <p>5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Tổ chức đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ khi người học chưa hoàn thành chương trình học theo quy định;</p> <p>b) Lập hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ không đúng thành phần theo quy định.</p> <p>6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học không đúng quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:</p> <p>“6. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về chương trình đào tạo như sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng chương trình đào tạo không đúng quy trình theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng chương trình đào tạo không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo hoặc gian lận để đáp ứng các quy định về chuẩn chương trình đào tạo.”</p>	<p>Bổ sung các hành vi vi phạm quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động giáo dục không đúng thời gian giáo dục, thời gian đào tạo hoặc hình thức đào tạo.</p> <p>8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi giảng dạy chương trình giáo dục của nước ngoài không đúng theo chương trình trong hồ sơ cấp phép.</p> <p>9. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7 và 8 Điều này.</p> <p>10. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập hoặc bố trí dạy đủ số tiết, khối lượng học tập đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;</p> <p>b) Buộc tổ chức bảo vệ luận văn, luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>c) Buộc tổ chức bảo vệ lại luận văn, luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;</p> <p>d) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7 và 8 Điều này.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:</p> <p>“10. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập hoặc bố trí dạy đủ số tiết, khối lượng học tập đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;</p> <p>b) Buộc tổ chức bảo vệ luận văn, học phần tốt nghiệp luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>c) Buộc tổ chức đánh giá lại luận văn, luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;</p> <p>d) Buộc xây dựng lại chương trình đào tạo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này và buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập trong trường hợp chương trình đào tạo xây dựng không đáp ứng khối lượng học tập tối thiểu hoặc yêu cầu về nội dung chương trình đào tạo theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo”.</p>	<p>Quy định cụ thể hơn việc đánh giá lại luận văn bảo đảm quyền lợi cho người học khi cơ sở đào tạo vi phạm.</p>
<p>Điều 12. Vi phạm quy định về mở ngành đào tạo</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tự chủ mở ngành đào tạo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>a) Tự chủ mở ngành đào tạo khi chưa đủ một trong các điều kiện theo quy định đối với một ngành;</p> <p>b) Gian lận để được cho phép mở đối với một ngành đào tạo;</p> <p>c) Không đảm bảo duy trì một trong các điều kiện đã được mở ngành đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục đối với ngành từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cho phép mở ngành đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 12 như sau:</p> <p>“a) Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này”.</p>	<p>Để bảo đảm quyền lợi của người học</p>
<p>Điều 13. Vi phạm quy định về đào tạo liên thông, liên kết</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đào tạo liên thông theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; không công khai hoặc công khai không đầy đủ các nội dung về đào tạo liên thông trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự chủ tổ chức đào tạo liên thông không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về liên kết đào tạo theo các mức phạt sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:</p> <p>“Điều 13. Vi phạm quy định về đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không công khai hoặc công khai không đầy đủ các nội dung về đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng liên kết đào</p>	<p>Bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT. Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm, bảo đảm quyền lợi của người học.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng liên kết đào tạo không đầy đủ nội dung thỏa thuận về mức thu lệ phí tuyển sinh, học phí, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo;</p> <p>c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo cấp bằng chính quy;</p> <p>d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo với đối tác không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo khi chưa có văn bản cho phép thực hiện liên kết đào tạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tự chủ liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoạt động giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều này.</p>	<p>không đầy đủ nội dung thỏa thuận về mức thu lệ phí tuyển sinh, học phí, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo;</p> <p>d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo cấp bằng chính quy;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo với đối tác không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo khi chưa có văn bản cho phép thực hiện liên kết đào tạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tự chủ liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>g) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo khi chưa đáp ứng các yêu cầu tối thiểu để thực hiện đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo theo quy định.</p> <p>2. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo từ 12 tháng đến 18 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào</p>	

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
	tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đổi với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều này”.	
Mục 4 CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP		
<p>Điều 14. Vi phạm quy định về thi</p> <p>1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi gây rối hoặc đe dọa dùng vũ lực ngăn cản người dự thi và người tổ chức thi, thanh tra thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi.</p> <p>2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi thông tin sai sự thật về kỳ thi.</p> <p>3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về thi theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vào khu vực tổ chức thi, chấm thi khi không được phép; mang tài liệu, thông tin, vật dụng không được phép vào phòng thi, khu vực chấm thi;</p> <p>b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài;</p> <p>c) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm hoặc sửa chữa nội dung bài thi hoặc sửa điểm bài thi trái quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>d) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo bài thi nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>đ) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức chấm thi sai quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với hành vi thi thay hoặc thi kèm người khác hoặc nhờ người khác làm bài hộ hoặc thi thay, thi kèm.</p> <p>4. Phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi làm mất bài thi của thí sinh.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ khoản 3 và khoản 4 Điều này.</p>		
<p>Điều 15. Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học</p> <p>1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	<p>Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 15 như sau: “1a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành”.</p>	
<p style="text-align: center;">Mục 5.</p> <p>CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TƯ VẤN DU HỌC; HỢP TÁC, ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC</p>	<p style="text-align: center;">Mục 5.</p> <p>CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ DẠY THÊM, HỌC THÊM; TƯ VẤN DU HỌC; HỢP TÁC, ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC</p>	<p>Bổ sung quy định về dạy thêm, học thêm</p>
	<p>Bổ sung Điều 16a trước Điều 16 như sau:</p>	

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
	<p>“Điều 16a. Vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm</p> <p>1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Tổ chức dạy thêm, học thêm đối với học sinh tiểu học không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Dạy thêm ngoài nhà trường có thu tiền của người học thuộc trường hợp không được dạy thêm theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc không báo cáo với Hiệu trưởng, Giám đốc, người đứng đầu nhà trường;</p> <p>c) Tham gia quản lý, điều hành việc dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường không đúng quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có một trong các hành vi vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường như sau:</p> <p>a) Tổ chức dạy thêm không đúng đối tượng theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Tổ chức dạy thêm khi không có đơn đăng kí học thêm của người học theo từng môn học ở từng khối lớp;</p> <p>c) Không xây dựng kế hoạch tổ chức dạy thêm đối với từng môn học ở từng khối lớp;</p> <p>d) Không công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc không niêm yết tại nhà trường kế hoạch tổ chức dạy thêm theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>đ) Xếp lớp, xếp thời khóa biểu và tổ chức dạy thêm, học thêm không bảo đảm một trong các yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>	<p>Quy định các chế tài đối với các vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm để đảm bảo việc triển khai quy định hiệu quả.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
	<p>e) Thu tiền dạy thêm, học thêm.</p> <p>3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường như sau:</p> <p>a) Tổ chức dạy thêm, học thêm khi không có đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ, công khai không đúng với thực tế các nội dung về tổ chức dạy thêm, học thêm theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục hoặc dịch vụ giáo dục từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2; điểm a khoản 3 Điều này.”</p>	
<p>Điều 16. Vi phạm quy định hoạt động tư vấn du học</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Không công khai thông tin liên quan đến cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc tình trạng kiểm định hoặc công nhận chất lượng của cơ sở giáo dục nước ngoài, chương trình giáo dục cho người có nhu cầu đi du học;</p> <p>b) Công khai không đúng sự thật về tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; thông tin liên quan đến cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc tình trạng kiểm định hoặc công nhận chất lượng của cơ sở giáo dục nước ngoài, chương trình giáo dục cho người có nhu cầu đi du học;</p> <p>c) Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.</p> <p>3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Tư vấn, đưa người đi du học đến các cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chưa được kiểm định hoặc công nhận chất lượng tại nước sở tại;</p> <p>b) Tư vấn, đưa người đi du học đến các cơ sở giáo dục khi chưa ký hợp đồng với cơ sở giáo dục nước ngoài;</p> <p>c) Không ký hợp đồng tư vấn du học với người có nhu cầu đi du học hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người có nhu cầu đi du học;</p> <p>d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đối với người học đã được tư vấn và đưa ra nước ngoài học tập.</p> <p>4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trong thời gian bị đình chỉ dịch vụ tư vấn du học.</p> <p>5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tư vấn du học từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>c) Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và các điểm a, b khoản 3 Điều này.</p>		
Điều 17. Vi phạm quy định về hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức giáo dục nước ngoài tại Việt Nam		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vẫn tiếp tục hoạt động khi đã hết thời hạn cho phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Gian lận để được cho phép thành lập văn phòng đại diện;</p> <p>b) Hoạt động không đúng nội dung trong quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.</p> <p>3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động khi chưa được cấp phép thành lập hoặc cấp phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức giáo dục nước ngoài tại Việt Nam từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p>		
<p>Điều 18. Vi phạm quy định về tiếp nhận học sinh Việt Nam học chương trình giáo dục của nước ngoài tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tuyển học sinh Việt Nam học chương trình giáo dục của nước ngoài tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài cao hơn 50% tổng số học sinh học chương trình giáo dục của nước ngoài tại cơ sở giáo dục.</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.</p>		
<p>Điều 19. Vi phạm quy định về thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo với nước ngoài</p> <p>1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Không đảm bảo một trong các điều kiện thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo;</p> <p>b) Gian lận để được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo.</p> <p>2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức giảng dạy chương trình liên kết giáo dục, liên kết đào tạo không đúng nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Bổ sung điểm c và điểm d vào khoản 1 như sau:</p> <p>“c) Không công bố công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin liên quan về chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định;</p> <p>d) Không thực hiện kiểm định chương trình liên kết đào tạo theo quy định.”</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:</p> <p>“2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Tổ chức giảng dạy chương trình liên kết giáo dục, liên kết đào tạo với nước ngoài không đúng nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Đội ngũ giảng viên không đáp ứng quy định của pháp luật và quy định của chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.”</p>	<p>Bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định tại Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, Nghị định số 124/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 07/2025/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT</p> <p>Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi liên kết giáo dục, liên kết đào tạo khi đã hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt, quyết định gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết nhưng không được gia hạn, điều chỉnh.</p> <p>4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Liên kết giáo dục hoặc liên kết đào tạo khi chưa có văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>b) Thực hiện tự chủ liên kết đào tạo khi chưa đáp ứng điều kiện theo quy định.</p> <p>5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết giáo dục, liên kết đào tạo từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.</p> <p>6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết giáo dục, liên kết đào tạo từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này”;</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau: “6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này”.</p>	<p>Nhằm tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm</p> <p>Bảo đảm quyền lợi của người học</p>
<p>Điều 20. Vi phạm quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài</p> <p>1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Không đảm bảo một trong các điều kiện thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>b) Gian lận để được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.</p> <p>2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài khi đã hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt, quyết định gia hạn liên kết nhưng không được gia hạn.</p> <p>3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với hành vi cấp chứng chỉ khi chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.</p> <p>4. Hình thức xử phạt bổ sung:</p> <p>a) Đình chỉ hoạt động liên kết từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này;</p> <p>b) Tịch thu số tiền thu được do thực hiện hành vi vi phạm mà có để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này trong trường hợp không thể thực hiện được biện pháp khắc phục hậu quả trả lại số tiền đã thu.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.</p>		
Mục 6 CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, CẤP VÀ SỬ DỤNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ		
<p>Điều 21. Vi phạm quy định về cấp và quản lý văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Không ban hành hoặc ban hành quy chế bảo quản, lưu giữ, sử dụng, cấp phát văn bằng, chứng chỉ nhưng không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>b) Không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng chống cháy nổ để bảo quản văn bằng, chứng chỉ và hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Ban hành quyết định chỉnh sửa, cấp lại văn bằng chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục; về nội dung, thẩm quyền, thời hạn;</p> <p>d) Không thực hiện cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Cấp Văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Không cấp hoặc cấp phụ lục văn bằng kèm theo văn bằng giáo dục đại học không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>d) Không lập hoặc lập hồ sơ cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Gian lận để được cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ.</p> <p>4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý văn bằng, chứng chỉ.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc hủy bỏ văn bản có nội dung trái pháp luật; hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ được cấp lại không đúng quy định của pháp</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>luật hiện hành về nội dung hoặc thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.</p>		
<p>Điều 22. Vi phạm quy định về in phôi và quản lý phôi văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, an toàn, phòng chống cháy nổ trong việc in, bảo quản phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Không lập hoặc lập hồ sơ quản lý việc in, cấp, sử dụng, thu hồi, hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Không quy định việc lập số hiệu, các ký hiệu nhận dạng phôi văn bằng, chứng chỉ để phục vụ việc bảo mật, nhận dạng và chống làm giả phôi văn bằng, chứng chỉ;</p> <p>d) In phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>đ) Thực hiện việc hủy phôi văn bằng chứng chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.</p>		
<p>Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng và công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác;</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>b) Cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình; c) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.</p> <p>2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: a) Công khai không đầy đủ thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị; b) Công khai không chính xác thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị.</p> <p>3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không công khai thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị.</p> <p>4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật là văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc thực hiện công khai theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này. b) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p>		
Mục 7 CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO VÀ NGƯỜI HỌC		
<p>Điều 24. Vi phạm quy định về sử dụng nhà giáo</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo các mức phạt sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm ở trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;</p>	<p>Bỏ cụm từ “trường trung cấp” tại điểm b khoản 1 Điều 24</p>	<p>Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ giáo viên trong hệ thống giáo dục quốc dân không còn trình độ trung cấp. Các văn bản Bộ GDĐT mới ban hành, như quy chế về xác định chỉ tiêu và tuyển</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p>2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đúng quy định về trình độ chuyên môn hoặc trình độ ngoại ngữ trong giảng dạy chương trình giáo dục, chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài hoặc giảng dạy chương trình tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; trong thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài.</p>		<p>sinh hiện nay của Bộ GDĐT, chỉ còn đối tượng áp dụng là Trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.</p>
<p>Điều 25. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trong các cơ sở giáo dục Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trên tổng số giáo viên, giảng viên trong cơ sở giáo dục theo các mức phạt sau:</p> <p>1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập được giao quyền tự chủ về tổ chức và cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập.</p> <p>2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm ở trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên.</p> <p>3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.</p>	<p>Bỏ cụm từ “trường trung cấp” tại khoản 2 Điều 25</p>	<p>Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ giáo viên trong hệ thống giáo dục quốc dân không còn trình độ trung cấp. Các văn bản Bộ GDĐT mới ban hành, như quy chế về xác định chỉ tiêu và tuyển sinh hiện nay của Bộ GDĐT, chỉ còn đối tượng áp dụng là Trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.</p>
<p>Điều 26. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong cơ sở giáo dục; vi phạm quy định về chính sách đối với nhà giáo</p> <p>1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong cơ sở giáo dục nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chính sách đối với nhà giáo.</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể có yêu cầu không xin lỗi công khai.</p>		
<p>Điều 27. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học</p> <p>1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Để xảy ra việc sửa chữa hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học;</p> <p>b) Lập hồ sơ quản lý người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản hồ sơ của người học.</p> <p>2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thu, giữ hồ sơ, giấy tờ của người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.</p>		
<p>Điều 28. Vi phạm quy định về kỷ luật người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học; vi phạm quy định về chính sách đối với người học</p> <p>1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Kỷ luật người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chính sách đối với người học.</p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>a) Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật và khôi phục quyền học tập của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Buộc xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể hoặc người đại diện hợp pháp của người học là người chưa thành niên có yêu cầu không xin lỗi công khai.</p>		
<p>Điều 29. Vi phạm quy định về phổ cập giáo dục</p> <p>1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học đối với người học các cấp học phổ cập.</p> <p>2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc đi học của người học các cấp học phổ cập.</p>		
<p>Mục 8</p> <p>CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ, TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG</p>		
<p>Điều 30. Vi phạm quy định về mua sắm, tiếp nhận, sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học</p> <p>1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm, tiếp nhận, sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học có nội dung phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, chủ quyền biên giới, biển và đảo, lợi ích cộng đồng và hòa bình, an ninh thế giới; xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xuyên tạc lịch sử; kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược; ảnh hưởng xấu đến văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục; truyền bá mê tín, truyền bá tôn giáo, hủ tục, tệ nạn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bộ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.		
<p>Điều 31. Vi phạm quy định về vận động tài trợ trong cơ sở giáo dục</p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về vận động tài trợ trong cơ sở giáo dục theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quy trình vận động, tiếp nhận tài trợ;</p> <p>b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài trợ.</p> <p>2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại các khoản chi không đúng quy định từ nguồn vận động tài trợ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p>		
<p>Điều 32. Vi phạm quy định về thu, chi tài chính của cơ sở giáo dục</p> <p>1. Vi phạm quy định về chi không đúng quy định đối với các khoản chi thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.</p> <p>2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>a) Thu các khoản không đúng quy định của cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Chi không đúng quy định của cấp có thẩm quyền đối với các khoản chi không thuộc ngân sách nhà nước.</p> <p>3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu số tiền thu được do thực hiện hành vi vi phạm mà có để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp không thể</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>thực hiện được biện pháp khắc phục hậu quả trả lại số tiền đã thu.</p> <p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã chi sai đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p>		
<p>Điều 33. Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng hoặc bảo đảm điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học</p> <p>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học theo các quy định pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của trường, lớp học.</p> <p>2. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ người học trên giảng viên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 50% đến 100% định mức quy định hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt từ 50% đến 90% định mức quy định;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 100% định mức quy định trở lên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt dưới 50% định mức quy định.</p> <p>3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>Điều 34. Vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục</p> <p>1. Phạt tiền đối với cơ sở giáo dục vi phạm quy định về đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục không đúng thực tế.</p> <p>2. Phạt tiền đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục vi phạm quy định theo các mức phạt sau:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không công khai hoặc công khai không đầy đủ, công khai không chính xác các nội dung trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thành lập đoàn đánh giá ngoài không đúng quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục hoặc chương</p>	<p>Bổ sung điểm c khoản 1 như sau:</p> <p>“c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không triển khai hoặc triển khai không đầy đủ kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục”.</p> <p>Bổ sung điểm đ, điểm e khoản 2 như sau:</p>	<p>Các khuyến nghị sau kiểm định chỉ mang tính tư vấn, không có tính bắt buộc. Trong khi việc triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (VD: khoản 4 Điều 49 Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học; khoản 2 Điều 36 Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học).</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>trình giáo dục không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi công nhận kết quả đánh giá và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục khi không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.</p>	<p>“đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện giám sát sau kiểm định theo quy định;</p> <p>e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi can thiệp trái quy định vào kết quả đánh giá ngoài hoặc hợp thức hóa kết quả kiểm định không đúng thực tế.”;</p> <p>Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 như sau: “2a. Phạt tiền đối với cá nhân là kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài:</p> <p>a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tham gia đoàn đánh giá ngoài khi không đủ điều kiện theo quy định;</p> <p>b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin đánh giá, báo cáo không trung thực, vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động đánh giá.”</p>	

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc thực hiện công khai theo quy định hoặc buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Buộc hủy bỏ kết quả công nhận đánh giá hoặc kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và d khoản 2 Điều này;</p> <p>c) Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và d khoản 2 Điều này.</p>		
Chương III THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH		
<p>Điều 35. Thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục</p> <p>1. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, bao gồm:</p> <p>a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 36, 37 và 38 Nghị định này;</p> <p>b) Công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo; công chức chuyên trách công tác quản lý giáo dục tại các bộ, cơ quan ngang bộ đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;</p> <p>c) Người thuộc lực lượng công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ trong lĩnh vực giáo dục.</p> <p>2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh quy định tại các Điều 36, 37 và 38 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt cá nhân bằng một phần hai thẩm quyền xử phạt tổ chức.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 35 như sau:</p> <p>“b) Công chức Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo; công chức chuyên trách công tác quản lý giáo dục tại Ủy ban nhân dân các cấp, các bộ, cơ quan ngang bộ đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”</p>	<p>Bỏ “Công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo”, bổ sung “công chức chuyên trách công tác quản lý giáo dục tại Ủy ban nhân dân các cấp” để phù hợp với hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp sau khi sắp xếp.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>Điều 36. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã) có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện) có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng;</p> <p>đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh) có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:</p> <p>“Điều 36. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh) có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”</p>	<p>- Không quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để bảo đảm phù hợp với hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp sau khi sắp xếp.</p> <p>- Quy định thẩm quyền xử phạt phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 quy định chi tiết Luật XLVPHC về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.</p>
<p>Điều 37. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục</p> <p>1. Thanh tra viên trong lĩnh vực giáo dục đang thi hành công vụ có quyền:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:</p> <p>“Điều 37. Thẩm quyền xử phạt của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý</p>	<p>- Không quy định thẩm quyền xử phạt của các cơ quan thanh tra chuyên ngành để thực hiện chỉ đạo về sắp xếp hệ thống</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 2.000.000 đồng; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>2. Chánh Thanh tra cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Giáo dục và Đào tạo có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 150.000.000 đồng; đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p> <p>3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 105.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 210.000.000 đồng; đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p> <p>4. Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p>	<p>nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và một số chức danh khác</p> <p>1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, gồm: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Cục Quản lý chất lượng, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, Cục Hợp tác quốc tế, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên (đối với mảng giáo dục thường xuyên) có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p>	<p>cơ quan thanh tra và Luật Thanh tra năm 2025.</p> <p>- Quy định thẩm quyền xử phạt phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 quy định chi tiết Luật XLVPHC về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”	
<p>Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Trưởng phòng An ninh Chính trị nội bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ</p> <p>1. Trưởng phòng An ninh Chính trị nội bộ có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;</p> <p>đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>2. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;</p> <p>e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>3. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:</p> <p>“Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân</p> <p>1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng.</p> <p>2. Trưởng Công an cấp xã có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p> <p>3. Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ thuộc Công an cấp tỉnh có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p>	<p>- Chính sửa để bảo đảm phù hợp với hệ thống cơ quan công an 03 cấp.</p> <p>- Quy định thẩm quyền xử phạt phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 quy định chi tiết Luật XLVPHC về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất; e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p>	<p>b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. 4. Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất; e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. 5. Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p>	

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
	<p>đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p> <p>5. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;</p> <p>d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>đ) Áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;</p> <p>e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”</p>	
<p>Điều 39. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính</p> <p>1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Khoản 1 Điều 11, điểm a khoản 3 Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 27, Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định này;</p> <p>b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các khoản 1 và 2 Điều 5, các khoản 1 và 2 Điều 6, Điều 7, Điều 8; khoản 1 và 2, điểm a và b khoản 3, điểm a và b khoản 4, khoản 5 Điều 9; các khoản 1, 2, 3 và các điểm a, b, c khoản 4 Điều 10; các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; các khoản 1 và 2 Điều 19; các khoản 1 và 2 Điều 20; các mục 6 và 7 Chương II; các Điều 30, 31; khoản 2 Điều 32, Điều 33; khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 34; hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b,</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:</p> <p>“Điều 39. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 36 Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.</p> <p>2. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập; Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm theo quy</p>	<p>Chính sửa phân định thẩm quyền theo hướng bao quát, để cơ quan, người có thẩm quyền căn cứ vào các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định này để xác định thẩm quyền xử phạt trên thực tế, thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2015, Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 quy định chi tiết Luật XLVPHC về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.</p>

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>c, d khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, các điểm a, b và c khoản 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài;</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các khoản 1 và 2 Điều 5, các khoản 1 và 2 Điều 6, Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; Điều 9, Điều 10; các mục 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Chương II; hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4 và 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài.</p> <p>2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra:</p> <p>a) Chánh Thanh tra cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Giáo dục và Đào tạo xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các khoản 1 và 2 Điều 5, các khoản 1 và 2 Điều 6, Điều 7, Điều 8; khoản 1 và 2, điểm a và b khoản 3, điểm a và b khoản 4, khoản 5 Điều 9; các khoản 1, 2, 3 và các điểm a, b, c khoản 4 Điều 10; các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; các khoản 1 và 2 Điều 19; các khoản 1 và 2 Điều 20; các mục 6 và 7 Chương II; các Điều 30, 31; khoản 2 Điều 32, Điều 33; khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 34; hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, các điểm a, b và c khoản 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài;</p> <p>b) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các khoản 1 và 2 Điều 5, các khoản 1 và 2 Điều 6, Điều 7; các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8; các khoản 1 và 2, các điểm a và b khoản 3, các điểm a và b khoản 4, khoản 5 Điều 9; Điều 10 và các mục 3, 4 Chương II; các Điều 16, 17, 18; các khoản 1, 2 và 3 Điều 19; các khoản 1 và 2 Điều 20; các mục 6, 7 và 8 Chương II; hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d,</p>	<p>định tại Điều 37 Nghị định này và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. Người có thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:</p> <p>a) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các điểm a, b, c khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này;</p> <p>b) Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4, 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này;</p> <p>c) Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các khoản 1, 2 Điều 5; các khoản 1, 2 Điều 6; Điều 7; các khoản 1, 2, 3 Điều 8; các Điều 9, 10; các mục 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Chương II; hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài.”</p>	

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>đ khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, các điểm a, b, c, d khoản 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài;</p> <p>c) Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các khoản 1 và 2 Điều 5, các khoản 1 và 2 Điều 6, Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; các Điều 9, 10; các mục 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Chương II; hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài.</p> <p>3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng phòng An ninh Chính trị nội bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ:</p> <p>a) Trưởng phòng An ninh Chính trị nội bộ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các khoản 1 và 2 Điều 5, các khoản 1 và 2 Điều 6, Điều 7, Điều 8; khoản 1 và 2, điểm a và b khoản 3, điểm a và b khoản 4, khoản 5 Điều 9; các khoản 1, 2, 3 và các điểm a, b, c khoản 4 Điều 10; các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; các khoản 1 và 2 Điều 19; các khoản 1 và 2 Điều 20; các mục 6 và 7 Chương II; các Điều 30, 31; khoản 2 Điều 32, Điều 33; khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 34; hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, các điểm a, b và c khoản 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài;</p> <p>b) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và các điểm a, b, c khoản 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này;</p> <p>c) Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4 và 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này;</p>		

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
<p>d) Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Các khoản 1 và 2 Điều 5, các khoản 1 và 2 Điều 6, Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; các Điều 9, 10; các mục 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Chương II; hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài.</p>		
Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
<p>Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng quy định của Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục để xử lý.</p> <p>Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi đã xảy ra thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.</p> <p>2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính có khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục để giải quyết.</p>	<p>Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng quy định của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để xử lý, trừ trường hợp các Nghị định nêu trên không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm</p>	

Nội dung hiện hành tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 127/2021/NĐ-CP	Nội dung dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung)	Thuyết minh
	<p>hành chính có khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan để giải quyết.</p>	
<p>Điều 41. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và thay thế Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.</p>	<p>Điều 30. Điều khoản thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025. 2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này. 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.</p>	
<p>Điều 42. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này./.</p>		
